

Bản án số: 90/2020/HS-ST  
Ngày 15-5-2020

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Võ Thị Mai Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Đinh Phú Hiền

ông Nguyễn Văn Bạ

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N - Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Tấn P** (tên gọi khác: C) - sinh năm 1993 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: số 07 tổ 12 T - phường V - tp. N - Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: thôn H - xã N - tp. N - Khánh Hòa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hồng S (chết) và bà Lê Thị Đ (1970); Tiền sự: không; Tiền án: + Bản án số 284/2012/HSST ngày 29/11/2012, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2013, + Bản án số 114/2014/HSST ngày 28/5/2014, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/3/2016, + Bản án số 33/2017/HSST ngày 27/02/2017 của Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/11/2017; Nhân thân: + Bản án số 58/2011/HSST ngày 05/4/2011, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2012, + Bản án số 315/2019/HSST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2019; Có mặt tại phiên tòa.

**2. Lê Vĩnh A** (tên gọi khác: S) - sinh năm 1994 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 13 đường Đ - phường V - tp. N - Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: không có nơi ở ổn định; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông (không xác định) và bà Lê Thị Đ (1954); Tiền sự, tiền án: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2019; Có mặt tại phiên tòa.

**3. Trần Thị Ngọc H** (tên gọi khác: U) - sinh năm 1995 tại Khánh Hòa; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ 13 đường Đ - phường V - tp. N - Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: không có nơi ở ổn định; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Ngọc A (1958) và bà Nguyễn Thị N (1962); Tiền sự, tiền án: không; Nhân thân: + Bản án số 197/2012/HSPT ngày 26/11/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2014, + Bản án số 43/2020/HSST ngày 04/3/2020, Tòa án nhân dân tp. N xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2019; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Mai Xuân Q - sinh năm 2000

Trú tại: thôn 1<sup>B</sup> - xã B - tp. C - Khánh Hòa; Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Phan Thị Mỹ L - sinh năm 2000; Vắng mặt.

Lê Thị Thành N - sinh năm 1992; Vắng mặt.

Thân Chí T - sinh năm 1988; Vắng mặt.

Võ Văn H - sinh năm 1974; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ngày 22/10/2019, Nguyễn Tấn P và Trần Thị Ngọc H đến khách sạn M, địa chỉ: 71/1 đường Q - phường V - tp. N thuê phòng số 101 để ở và sử dụng ma túy chung. Đến khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 24/10/2019, H gọi điện thoại cho Lê Vĩnh A đến phòng số 101 khách sạn M cùng nhau sử dụng ma túy thì A điều khiển xe máy hiệu Attila, màu vàng, gắn biển kiểm soát 79H1-021.86 đến và cùng sử dụng ma túy với P và H. Khoảng 09 giờ cùng ngày, P, H và A ra khỏi phòng số 101 khách sạn để đi chơi thì H phát hiện thấy một xe máy Yamaha hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 79C1-174.30 của anh Mai Xuân Q là khách đang thuê phòng số 501 của khách sạn M đang dựng bên cạnh khách sạn, không có người trông coi nên H rủ P và A lấy trộm xe để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng thì P và A đồng ý. Lúc này, P và H điều khiển xe máy hiệu Attila, màu vàng, gắn biển kiểm soát 79H1-021.86 cùng A đi ra đầu hẻm cách khách sạn khoảng 20m. Sau đó, P và H đứng chờ, A đi bộ quay lại lấy trộm xe máy Yamaha hiệu Sirius dắt ra để P và H đẩy đi. Khi A lên lút dắt xe máy Yamaha hiệu Sirius đi được một đoạn thì bị nhân viên lễ tân khách sạn M phát hiện, tri hô, A tiếp tục dắt xe bỏ chạy một đoạn rồi

vứt lại xe máy Yamaha Sirius chạy đến chỗ P, H để bỏ chạy thì bị người dân đuổi theo bắt giữ được A, P và H cùng tang vật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 570/HĐĐG ngày 25/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố N xác định: một xe máy Yamaha hiệu Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 79C1-174.30 có giá trị 7.585.000đ.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Tấn P, Lê Vĩnh A, Trần Thị Ngọc H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSNT ngày 18/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Vĩnh A, Trần Thị Ngọc H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P từ 02 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo H từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về vật chứng: đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 đoạn phá khóa bằng kim loại màu đen trắng, dài khoảng 10cm; trả lại cho bị cáo A điện thoại di động hiệu Realme; trả lại cho bị cáo H điện thoại di động hiệu Cogo; trả lại cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tp. N 01 biển kiểm soát 79H1-021.86 để xử lý theo thẩm quyền. Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị hại Mai Xuân Q, người làm chứng Phan Thị Mỹ L, Lê Thị Thành N, Thân Chí T, Võ Văn H đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với những người này.

[3] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định ngày 24/10/2019, các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Mai Xuân Q là chiếc xe máy Yamaha hiệu Sirius. Hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm

cấp tài sản” được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố các bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ.

[5] Xét vai trò của từng bị cáo: Bị cáo P tuy không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp nhưng bị cáo là người điều khiển xe Attila chở H để giúp sức đẩy xe mà bị cáo A trộm được. Sau khi bị người dân phát hiện và tri hô, chính bị cáo đã chở bị cáo H và A bỏ chạy. Mặt khác, bản thân bị cáo là người có 03 tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhân thân xấu, đang chờ thi hành án của bản án hình sự sơ thẩm số 315/2019/HSST của Tòa án nhân dân tp. N về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó lần phạm tội này của bị cáo P thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đồng thời khi quyết định hình phạt cũng cần phải tổng hợp hình phạt của bản án số 315/2019/HSST của Tòa án nhân dân tp. N.

Bị cáo A khi nghe bị cáo H nói “xe ở đây để ngon quá” thì bị cáo A đã hiểu rằng các bị cáo sẽ lấy xe của anh Q và bị cáo là người trực tiếp thực hiện việc này. Như vậy khi quyết định hình phạt cũng cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục và răn đe.

Bị cáo H là người có nhân thân xấu, chính bị cáo là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản của anh Q nên vai trò của bị cáo trong vụ án này là người khởi xướng, rủ rê. Bản thân bị cáo đã có quyết định thi hành án của bản án số 43/2020/HSST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân tp. N. Do đó, cần áp dụng hình phạt đối với bị cáo nặng hơn so với bị cáo A và tổng hợp hình phạt của bản án số 43/2020/HSST ngày 04/3/2020.

[6] Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, riêng bị cáo A chưa có tiền sự tiền án, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo để các bị cáo nhận thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Mai Xuân Q đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng: Xe máy hiệu Attila, màu vàng, biển kiểm soát 79T1-6443 của ông Trần Kim H đã được chuyển cho Công an huyện D giải quyết theo thẩm quyền. 01 dụng cụ phá khóa xe máy của bị cáo P sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. 02 điện thoại di động hiệu Realme và Cogo là tài sản riêng của bị cáo A và H nên cần trả lại cho 02 bị cáo. 01 biển kiểm soát 79H1-021.86 chưa tìm ra được chủ sở hữu nên cần trả lại cho cơ quan công an tp. N để xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.



*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tấn P (C).

**Xử phạt:** bị cáo **Nguyễn Tấn P (C) 03 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. **Tổng hợp với 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” của bản án số 315/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tp. N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 06 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2019.**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Vĩnh A (S).

**Xử phạt:** bị cáo **Lê Vĩnh A (S) 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. **Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2019.**

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thị Ngọc H (U).

**Xử phạt:** bị cáo **Trần Thị Ngọc H (U) 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”**. **Tổng hợp với 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của bản án số 43/2020/HSST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân tp. N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2019.**

**Về trách nhiệm dân sự:** Không xét phân trách nhiệm dân sự giữa các bị cáo Nguyễn Tấn P, Lê Vĩnh A, Trần Thị Ngọc H với bị hại Mai Xuân Q.

**Về vật chứng:** Áp dụng khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 dụng cụ phá khóa xe máy màu đen trắng, dài khoảng 10cm.

Trả lại cho Lê Vĩnh A 01 (một) điện thoại di động hiệu REALME màu đen.

Trả lại cho Trần Thị Ngọc H 01 (một) điện thoại di động hiệu COGO màu đỏ đen.

Trả lại 01 biên kiểm soát 79H1-021.86 cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tp. N để xác minh làm rõ và xử lý theo thẩm quyền.

*(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/3/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).*

**Về án phí:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Tấn P, Lê Vĩnh A, Trần Thị Ngọc H, mỗi bị cáo nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Thị Mai Phương**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tp. N;
- Công an tp. N;
- Chi cục thi hành án dân sự tp. N;
- Các bị cáo; bị hại;
- Lưu THA hình sự, hồ sơ.